

Số: /TMBG-TTYT

Đắk Song, ngày tháng 10 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ
Vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Hiện nay Trung tâm Y tế huyện Đắk Song tại Tổ 1 thị trấn Đức An - Đắk Song - Đắk Nông đang chờ kết quả gói thầu đấu thầu rộng rãi tại đơn vị, một số vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm hết số lượng sử dụng, chưa có kết quả trúng thầu, cần phải có đề phục vụ khám sức khỏe cho cán bộ thuộc ban thường vụ huyện ủy quản lý, đáp ứng, duy trì hoạt động chuyên môn tại đơn vị. Để đảm bảo phục vụ khám sức khỏe cho cán bộ thuộc ban thường vụ huyện ủy quản lý trong thời gian chờ kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu đấu thầu rộng rãi;

Nay Trung tâm Y tế huyện Đắk Song kính gửi các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam danh mục sản phẩm để xin báo giá mua khẩn cấp các mặt hàng sau (theo danh mục đính kèm).

Rất mong nhận được sự quan tâm của các hãng, nhà cung cấp tại Việt Nam để chúng tôi mua sắm kịp thời phục vụ khám sức khỏe cho cán bộ thuộc ban thường vụ huyện ủy quản lý trong thời gian chờ đấu thầu.

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam quan tâm gửi báo giá bản gốc: trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện địa chỉ đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Đắk Song, Tổ 1 - thị trấn Đức An - Đắk Song - Đắk Nông hoặc gửi trực tiếp tới DS Nguyễn Thị Bích Thủy Trưởng khoa Dược -TTB-VTYT, điện thoại 0983.599.955. Kèm theo có thể gửi bản Scan Báo giá qua Email: bichthuypharmacy@gmail.com

Thời gian nhận báo giá từ 8h00 ngày 25/10/2024 đến trước 17h00 ngày 07/11/2024, các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá 120 ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày tính từ thời điểm báo giá.

Rất mong được hợp tác cùng Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KHN;
- Dân số-TT-GDSK (đăng tải Web TTYT);
- Bộ phận KT (Đăng tải lên MĐT quốc gia);
- Lưu VT, TCHC-KT, Dược (2b).

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Trúc

Phụ lục 1

Dụng cụ, vật tư tiêu hao, sinh phẩm

(Kèm theo Thư mời báo giá số /TMBG-TTYT, ngày tháng 10 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Đắk Song)

ĐVT: Đồng

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Mã theo Quyết định 5086/QĐ-BYT (bắt buộc)	Xuất xứ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá báo giá	Thành tiền
1	Băng keo y tế 2,5 cm x 5 m	Size 2.5cm x 5m thông thoáng cho da nhạy cảm, giúp kềm giữ nhanh, chắc chắn. Dùng trong y tế, dán trong tiêm truyền, vết thương...Có lỗ thoát khí nhỏ giúp băng thông thoáng. Sản phẩm không gây tổn thương nơi dán băng, giảm cảm giác đau khi tháo băng, thích hợp cho da nhạy cảm.			Cuộn	Cuộn	400		
2	Kim lềun tĩnh mạch các cỡ	• Kim lềun tĩnh mạch, có cánh, có cửa, 2 đường cản quang (18 G, 20G, 22G, 24 G, 26G) • Catheter kháng xoắn ống, chắn bức xạ đặc biệt để dễ truyền với lưu lượng tối ưu. • Kim bén với ba mặt vát giúp chích nhẹ không đau • Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, đến 72h			Cái	Hộp 50; hộp 100	400		

		• Catheter ôm sát thân kim tránh tè và đùn khi đi xuyên qua da • Cửa chích thuốc nằm trung tâm kim giúp kim không bị dịch chuyển khi bơm thuốc, có van một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch, máu.. • Dễ sử dụng. • Nguyên liệu FEP • Tiệt trùng bằng khí EO TCCL: ISO, CE • Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng chảy 10001- 14G: 2.0x45mm - 305ml/min 10002- 16G: 1.7x45mm - 200ml/min 10004: 18G: 1.3x45mm - 90ml/min 10006: 20G: 1.1x32mm - 61ml/min 10007: 22G: 0.9x25mm - 36ml/min 10008: 24G: 0.7x19mm - 23ml/min 10009: 26G: 0.6X19mm-17ml/min.							
3	Test thử xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Test thử nước tiểu Strip-10 (URS-10) Bạch cầu / Nitrit / Urobilinogen / Protein / pH / Máu / SG / Ketone / Bilirubin / Glucose.			Test	Hộp 100 Test	600		

* Mỗi loại hàng hóa khuyến khích quý đơn vị báo giá ở các quy cách đóng gói khác nhau ngoài quy cách mà đơn vị chúng tôi nêu ra để tiện tham khảo. Các mặt hàng đã có Quyết định trúng thầu rộng rãi còn hiệu lực.

* Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải đảm bảo việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá

Phụ lục 2

Thuốc thử, Hóa chất xét nghiệm

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày tháng 10 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Đắk Song)

DVT: Đồng

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	DVT	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng troponin I	- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 ' Xét nghiệm dùng để định lượng cardiac troponin I (cTnl) với mục đích hỗ trợ chẩn đoán nhồi máu cơ tim cấp tính (AMI) - Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Phạm vi xét nghiệm : 0.1 -50 ng/mL - Ngưỡng phát hiện: 0.1 ng/mL - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ xác định: hemoglobin 10 mg/mL, bilirubin 0.2 mg/mL, triglycerides 10 mg/m - Bảo quản: 4~30°C - Hạn dùng: 24 tháng		Test	25 Test/Hộp	150		

2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA	- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 '- Xét nghiệm định lượng kháng nguyên tuyến tiền liệt (PSA) với mục đích hỗ trợ chẩn đoán ung thư tuyến tiền liệt '- Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Phạm vi xét nghiệm: 2.0-100.0 ng/mL - Ngưỡng phát hiện: ≤ 2.0 ng/mL - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm PSA ở nồng độ xác định: Bilirubin ≤ 2 mg/dl, Triglyceride ≤ 5000 mg/dl, AFP ≤ 289 ng/ml, TPS ≤ 200 U/L... - Bảo quản: 4~30°C - Hạn dùng: 24 tháng"		Test	25 Test/Hộp	150		
---	-------------------------------------	---	--	------	-------------	-----	--	--

3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP	- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - Xét nghiệm dùng để định lượng Alpha-Fetoprotein (AFP) với mục đích hỗ trợ chẩn đoán và đánh giá hiệu quả điều trị ung thư biểu mô gan nguyên phát - Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 5-400 ng/mL - Ngưỡng phát hiện: 5 ng/mL - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ xác định: Protein KN Carcinoembryonic ≤ 25.7 ng/mL, KN đặc hiệu Prostate ≤ 31.4 ng/mL, KN đặc hiệu Prostate ≤ 31.4 ng/mL, KN đặc hiệu Prostate ≤ 31.4 ng/mL... - Bảo quản: 4~30°C - Hạn dùng: 24 tháng"		Test	25 Test/Hộp	150		
---	-------------------------------------	--	--	------	-------------	-----	--	--

4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA	- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - Xét nghiệm dùng để định lượng kháng nguyên carcino-embryonic với mục đích để hỗ trợ đánh giá điều trị, chẩn đoán và theo dõi tái phát ung thư biểu mô. - Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Phạm vi xét nghiệm: 1-500 ng/mL - Ngưỡng phát hiện: 1 ng/mL - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Bảo quản: 4-30°C - Hạn dùng: 24 tháng		Test	25 Test/Hộp	150		
---	--	---	--	------	-------------	-----	--	--

5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	- Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 0.61~9.22 nmol/L (0.4~0.6 ng/mL) - Ngưỡng phát hiện: 0.61 nmol/L - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Các chất sau đây không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm ở nồng độ được chỉ định: cholesterol 60mg/mL, bilirubin 2 mg/mL, triglycerides 40.0 mg/mL và hemoglobin 10.0 mg/mL. - Bảo quản: 4~30°C - Hạn dùng: 24 tháng		Test	25 Test/Hộp	150		
---	------------------------------------	---	--	------	-------------	-----	--	--

6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4	- Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang - Dải phân tích: 12.87~300 nmol/L - Ngưỡng phát hiện: 12.87 nmol/L - Mẫu Phẩm: Máu toàn phần/ Huyết thanh/ Huyết tương - Kết quả của xét nghiệm không cao hơn 19 nmol/L khi nồng độ TT3 là 500ng/mL hoặc nồng độ rT3 là 50 ng/mL triglycerides: 15 mg/mL. - Bảo quản: 4~30°C - Hạn dùng: 24 tháng		Test	25 Test/Hộp	150		
---	------------------------------------	---	--	------	-------------	-----	--	--

7	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của glucose trong huyết thanh, huyết tương và dịch não tủy - Phương pháp GOD-PAP - Tuyến tính lên đến 600 mg/dl - Thành phần: Tris Buffer 92 mmol/l; Phenol 0.3 mmol/l; Glucose Oxidase 15000 U/l; 4-Aminophenazone 2.6 mmol/l - Thể tích: 325ml.		Hộp	5x65ml	1			
---	------------------------------	---	--	-----	--------	---	--	--	--

8	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của triglycerides trong huyết thanh hoặc huyết tương Thành phần: + Pipes –buffer (pH 7.00):50 mmol/l + TOPS: 5.3 mmol/l + Potassium ferrocynate: 10 mmol/l + Magnesium salt:17 mmol/l + 4-Aminoanyipyrine:0.9 mmol/l + ATP :3.15 mmol/l + Lipoprotein lipase ≥ 1800 U/l + Glycerol Kinase ≥ 450 U/l + Glycerol-3-phosphate oxidase ≥ 3500 U/l + Peroxidase ≥ 450 U/l - Thể tích: 325ml.		Hộp	5x65ml	1		
---	---	--	--	-----	--------	---	--	--

9	Thuốc thử xét nghiệm Ca (Calci)	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của calcium trong huyết thanh ,huyết tương và nước tiểu Thành phần: +MES, pH 6.5:1000 mmol/L +Arsenzo III :200 mmol /L Thể tích: 80mL.		Hộp	2x40mL	1		
10	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của SGPT trong huyết thanh hoặc huyết tương Thành phần: SGPT R1 : Tris Buffer (pH 7.5) : 110 mmol/l L-Alanine :600 mmol/l LDH : >1500 U/l SGPT R2: α -ketoglutarate :16 mmol/l NADH: 0.24 mmol/l - Thể tích: R1: 189 ml/R2: 60ml.		Hộp	3x63/3x20ml	1		

11	Thuốc thử xét nghiệm CK-MB	Thuốc thử định lượng CK-MB trong huyết thanh hoặc huyết tương người CK-MB (S.L) R1: Imidazole(pH 6.7) 125 mmol/l D-Glucose - 25 mmol/l N-Acetylcysteine 25mmol/l Magnesium acetate 12.5mmol/l NADP -2.52 mmol/l EDTA - 2.02 mmol/l Hexokinase >6800 U/l Anti human polyclonal CK-M antibody(sheep)sufficient to inhibit up to 2000U/L of CK-MM CK-MB (S.L) R2: Creatine phosphate 250 mmol/l ADP 15.2 mmol/l AMP 25 mmol/l Diadenosine pentaphosphate 103 mmol/l G-6-PDH > 8800 U/l Thể tích: Hộp 40 ml.		Hộp	2 x 20 ml	1		
----	----------------------------	---	--	-----	-----------	---	--	--

12	Thuốc thử xét nghiệm Creatinin	Thuốc thử này dùng để định lượng in vitro creatinine trong huyết thanh hoặc nước tiểu. Thành phần: Imidazole (pH 6.7) 125mmol/L, Sodium hydroxide 300 mmol/L, Sodium Phosphate 25 mmol/L, Picric acid 8.73 mmol/L, Surfactant. Thử tích: R1: 180 ml/ R2: 54 ml.		Hộp	3x60/3x18ml	2		
13	Vật liệu kiểm chuẩn xét nghiệm sinh hóa mức bình thường sinh hóa	Chất kiểm kiểm chuẩn mức bình thường. Thử tích: 5ml.		Lọ	1x5ml	3		
14	Vật liệu kiểm chuẩn xét nghiệm sinh hóa mức bất thường sinh hóa	Chất kiểm kiểm chuẩn mức cao. Thử tích: 5ml.		Lọ	1x5ml	3		
15	Hoá chất xét nghiệm đông máu PT độ nhạy cao	Xét nghiệm xác định in vitro thời gian protrombin huyết tương người. Thành phần chính Calciferous Thromboplastin 1.0%; Preservative: sodium azide ≤0.1%. Giá trị đo được của huyết tương 10 ~ 14 giây. Loại mẫu: máu tĩnh mạch không sử dụng EDTA và heparin.		Hộp	R1:10x4ml (800 test)	1		

** Mỗi loại hàng hóa khuyến khích quý đơn vị báo giá ở các quy cách đóng gói khác nhau ngoài quy cách mà đơn vị chúng tôi nêu ra để tiện tham khảo. Giá các mặt hàng đã có Quyết định trúng thầu rộng rãi còn hiệu lực.*

** Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải đảm bảo việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.*